

TRIẾT LÝ VỀ MỘT SỐ QUAN HỆ TRONG GIÁO DỤC VIỆT NAM HIỆN NAY

GS.TS. DƯƠNG PHÚ HIỆP

Trong giáo dục cũng như trong các lĩnh vực khác, có nhiều mối quan hệ mà muốn giải quyết mối quan hệ đó thì trước hết cần bàn về triết lý của từng cặp quan hệ trong mỗi lĩnh vực và giữa các lĩnh vực.

Trong những năm gần đây, các nhà khoa học xã hội Việt Nam đã bàn nhiều về vấn đề triết lý và xuất bản hàng loạt công trình khoa học có liên quan đến vấn đề này. Chẳng hạn như cuốn “Triết lý kinh doanh với quản lý doanh nghiệp” do GS.TS. Nguyễn Thị Doan và PGS.TS. Đỗ Minh Cương đồng chủ biên, do Nhà Xuất bản Chính trị Quốc gia ấn hành năm 1999; cuốn “Văn hóa kinh doanh và triết lý kinh doanh” của PGS.TS. Đỗ Minh Cương, xuất bản năm 2001; cuốn “Triết lý phát triển” do GS.TS. Nguyễn Văn Huyền chủ biên, xuất bản năm 2000; Cuốn “Triết lý về mối quan hệ giữa cái kinh tế và cái xã hội trong phát triển” do GS.TS. Phạm Xuân Nam chủ biên, xuất bản năm 2001; cuốn “Triết lý phát triển ở Việt Nam - Mấy vấn đề cốt yếu” do GS.TS. Phạm Xuân Nam chủ biên, xuất bản lần đầu năm 2002, in lần thứ hai năm 2005 và in lần thứ ba năm 2008; cuốn “Một số vấn đề cơ bản về triết lý phát triển trong tư tưởng Hồ Chí Minh” của PGS. TS. Thành Duy, xuất bản năm 2010; cuốn “Triết lý con người, triết lý phát triển” của GS.TS. Đặng Cảnh Khanh, xuất bản năm 2010; cuốn “Một số vấn đề giáo dục Việt Nam đầu thế kỉ XXI” của GS.VS. Phạm Minh Hạc, xuất bản năm 2010, có một mục bàn về triết lý giáo dục Việt Nam, ...

Các cuốn sách nói trên không chỉ đề cập đến vấn đề về triết lý phát triển, triết lý kinh doanh, triết lý con người, triết lý giáo dục mà còn đề cập đến triết lý của hàng loạt các mối quan hệ, chẳng hạn như triết lý về mối quan hệ giữa cái kinh tế và cái xã hội; triết lý về mối quan hệ giữa công nghiệp và nông nghiệp, giữa đô thị và nông thôn; triết lý về mối quan hệ giữa bản sắc dân tộc và hiện đại hóa văn hóa; triết lý về quan hệ giữa đạo đức và pháp luật; triết lý về mối quan hệ giữa con người và tự nhiên, v.v. ...

Vậy triết lý là gì? Chỉ có một số tác giả trả lời câu hỏi này còn phần lớn các tác giả không đề cập đến vấn đề này mà chỉ nói cụ thể về triết lý của một lĩnh vực nào đó. Khi bàn về khái niệm triết lý thì các cách

giải thích cũng không giống nhau, đặc biệt là khi phân biệt triết học và triết lý.

Một số tác giả cho rằng trong tiếng Anh hay tiếng Pháp chỉ dùng một từ philosophy, không có từ thứ hai. Nhưng khái niệm philosophy có nhiều nghĩa, trong đó có những nghĩa mang tính triết lý. Ở Việt Nam vừa nói triết lý, vừa nói triết học. Vì vậy, trong các tài liệu dịch sang tiếng Việt, người dịch thường căn cứ vào từ philosophy là danh từ thì dịch sang tiếng Việt là triết học, còn từ philosophies là tính từ thì dịch là triết lý.

Một số tác giả khác cho rằng triết lý và triết học có liên quan với nhau, nhưng xét về nội dung tri thức, triết lý là cái riêng còn triết học là cái chung. Một hệ thống triết học là một chỉnh thể, còn các triết lý cụ thể của nó là các bộ phận. Xét về mặt lịch sử khoa học và văn minh thì triết lý có trước triết học. Xét về phạm vi của khách thể, triết lý hẹp hơn triết học. Triết lý là tư tưởng triết học ứng dụng trong một phạm vi nhất định của hiện thực. Xét trong quan hệ giữa chức năng nhận thức và cải tạo thế giới, triết lý thiên về chức năng cải tạo hơn. Nó là thứ triết học chỉ đạo hành động thực tiễn.

Cũng có tác giả cho rằng triết học đặt vấn đề đúng hay sai; phải hay không phải. Còn triết lý chủ yếu hướng về đạo lý, chủ yếu đặt vấn đề tốt hay xấu, nên hay chẳng chứ không đặt vấn đề đúng hay sai, phải hay không phải.

Tuy còn những quan niệm khác nhau trong việc phân biệt triết học và triết lý, nhưng các tác giả về cơ bản đã có sự nhất trí nhất định ở một số điểm sau đây:

Một là, triết học là môn khoa học nghiên cứu những phạm trù, những quy luật chung nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy. Nó cung cấp thế giới quan và phương pháp luận tổng quát cho các khoa học khác. Kết quả nghiên cứu của nó thường được thể hiện thành hệ thống các khái niệm, các phạm trù, các nguyên lý có tính trừu tượng hóa cao và với lôgic nội tại chặt chẽ của chúng.

Triết lý không phải là môn khoa học đề cập đến những vấn đề chung nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy, nhưng có quan hệ mật thiết với triết học bởi



vì từ hệ thống những nguyên lí, luận điểm của một lí thuyết triết học nhất định, có thể rút ra triết lí về những quan hệ nhất định, về cách ứng xử, phương châm sống, phương châm hành động của những cá nhân và cộng đồng nào đó tin theo.

Hai là, cùng với những triết lí được rút ra từ một hệ thống triết học nhất định, còn có triết lí nhân sinh, triết lí lịch sử, triết lí kinh tế, triết lí chính trị, triết lí đạo đức, triết lí pháp luật, triết lí ngoại giao, triết lí giáo dục... và cả triết lí đời thường nữa. Những triết lí này có thể được rút ra từ suy ngẫm của những cá nhân lỗi lạc, được đúc kết từ các mối quan hệ trong đời sống thực tế để rút ra những tư tưởng có ý nghĩa triết lí được mọi người nhận, xem đó là các nguyên tắc xử thế, phương châm sống và hành động của mình.

Tóm lại, có thể định nghĩa tóm tắt như sau: Triết lí là những tư tưởng có tính triết học được coi như những đạo lí có giá trị chỉ đạo các quan hệ và hoạt động của con người.

Dưới đây, xin bàn về triết lí của một số quan hệ trong giáo dục Việt Nam hiện nay.

1. Triết lí về quan hệ giữa giáo dục và phát triển

Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, giáo dục là một nguồn nội lực to lớn của sự phát triển xã hội Việt Nam và khẳng định rằng một dân tộc dốt là một dân tộc yếu và coi sự dốt nát là một loại giặc nội xâm, do đó phải tiêu diệt loại giặc đó bằng giáo dục, phải coi giáo dục là một quá trình quan trọng làm thay đổi cái lạc hậu, cái lỗi thời để thúc đẩy xã hội phát triển.

Năm 1945, Hồ Chí Minh đã kêu gọi thế hệ trẻ *"Non sông Việt Nam có trở nên tươi đẹp hay không, dân tộc Việt Nam có bước tới đài vinh quang hay không chính là nhờ một phần lớn ở công học tập của các em"*.

Có thể coi phát triển con người là chìa khóa của sự phát triển xã hội, sự phát triển giáo dục là chìa khóa của sự phát triển con người. Nói đến triết lí về quan hệ giữa giáo dục và phát triển cũng là nói đến quan hệ giữa con người và phát triển, vì con người là chủ thể của phát triển, còn giáo dục thì hình thành nên nhân cách con người. Từ khi có văn hóa, loài người bắt đầu có giáo dục: người này học người kia, thế hệ trước dạy thế hệ sau kinh nghiệm sống (tri thức, kĩ năng sống, kĩ năng lao động, thái độ với nhau và đối với thiên nhiên...) để cùng nhau duy trì và phát triển cuộc sống, phát triển xã hội, phát triển bản thân. Giáo dục sinh ra cùng với loài người, tồn tại, phát triển

cùng với loài người, là con đường đặc trưng cơ bản để loài người tồn tại và phát triển. Giáo dục cũng chính là nơi giữ gìn, truyền thụ và phát huy hệ thống giá trị chung của loài người, hệ thống giá trị truyền thống dân tộc, đào tạo ra những con người và các thế hệ tiếp nối sáng tạo ra các giá trị.

Hiện nay, cần phải coi giáo dục là con đường cơ bản nhất để gìn giữ và phát triển văn hóa, kinh tế - xã hội. Giáo dục cũng là khâu quan trọng trong quá trình từ khoa học đến sản xuất và từ sản xuất đến phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Con người sinh ra mới chỉ có bản tính tự nhiên, sau lớn dần và trưởng thành, nhờ giáo dục con người lĩnh hội được kinh nghiệm xã hội bao gồm kĩ năng, tri thức về khoa học, lao động, văn hóa, nghệ thuật, kiến trúc, ăn mặc, v.v... Dưới góc độ giáo dục, bản tính người chính là sản phẩm của quá trình hoạt động liên tục nhằm có được tri thức, kĩ năng và thái độ. Ngày nay, lí luận giáo dục xếp giáo dục thái độ lên hàng đầu rồi mới đến tri thức và kĩ năng. Nói cách khác, giáo dục nhân cách văn hóa là nhiệm vụ hàng đầu; con người có nhân cách, có văn hóa là mục tiêu tối thượng của giáo dục. Trên cơ sở tri thức phải hình thành được các kĩ năng, kĩ xảo tương ứng mới có khả năng thực hành và tạo thành sự phát triển. Giáo dục trực tiếp phục vụ cho sự phát triển nguồn nhân lực, qua đó phục vụ cho sự phát triển kinh tế - xã hội, nhất là giáo dục hiện đại đào tạo ra những con người có thể tạo ra năng suất lao động cao, hiệu suất công tác tốt và do đó đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Giáo dục tạo ra tri thức cho con người, từ tri thức, con người phải chuyển thành năng lực thực tiễn để tạo ra của cải vật chất và tinh thần của xã hội, tức là tạo ra sự phát triển. Giáo dục có nhiệm vụ nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài nhằm mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, và ngược lại kinh tế phát triển tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển giáo dục. Đó là triết lí về quan hệ giữa giáo dục và phát triển.

Kinh nghiệm của nhiều nước trên thế giới, đặc biệt là của các "con rồng" Châu Á, đã minh chứng triết lí về quan hệ giữa giáo dục và phát triển. Trước hết, nhờ có giáo dục mà các nước đó có sự phát triển và chính là nhờ có phát triển kinh tế cao đã đem đến cho họ sức mạnh tài chính để phát triển giáo dục, tạo cơ hội được học tập bình đẳng cho mọi người, nâng cao dân trí v.v... Ở các nước đó "ai cũng có cơm ăn, áo mặc và được học hành".

2. Triết lí về quan hệ giữa giáo dục gia đình, giáo dục nhà trường và giáo dục xã hội

Con người sinh ra và lớn lên trong các môi trường gia đình, nhà trường và xã hội. Mỗi môi trường đó đều là nơi diễn ra quá trình giáo dục, giáo dưỡng con người. Trong sự phát triển nguồn nhân lực thì mục tiêu của đào tạo là phải giáo dục con người có nhân cách, có học vấn, có kiến thức chuyên môn sâu và kiến thức đa ngành, có năng lực sáng tạo, dám nghĩ dám làm, có sức khỏe, đồng thời có phẩm chất đạo đức, lòng nhân ái... Để hình thành những con người như thế cần phải có sự phối hợp chặt chẽ giữa giáo dục gia đình, giáo dục nhà trường và giáo dục xã hội.

Gia đình là tổ chức xã hội đầu tiên có khả năng nhất trong việc chăm lo sự phát triển về thể chất, trí tuệ, về tâm lí cho trẻ em. Giáo dục gia đình giữ một vị trí đặc biệt đối với sự hình thành và phát triển nhân cách, nhất là giáo dục tính người từ tuổi ấu thơ. Mặt mạnh của giáo dục gia đình là giáo dục mang tính xúc cảm, gắn với những quan hệ họ hàng, ruột thịt nên có khả năng cảm hóa rất lớn. Giáo dục gia đình mang tính linh hoạt và thiết thực trên cơ sở thống nhất lợi ích giữa người dạy và người học... Gia đình là nơi đem đến cho trẻ em những bài học đầu tiên và thường xuyên, liên tục từ lúc sinh ra đến tuổi trưởng thành qua lời ru của mẹ, tình thương và tấm gương cùng những lời khuyên bảo của ông bà, cha mẹ, anh chị, cô chú bác và những người trong họ hàng dòng tộc. Những mặt mạnh đó của giáo dục gia đình bổ sung cho những thiếu hụt của giáo dục nhà trường và giáo dục xã hội.

Mặc dù giáo dục gia đình có những mặt mạnh nói trên nhưng trong những năm qua giáo dục gia đình chưa được quan tâm thích đáng. Có ý kiến đòi phá bỏ nội dung cũ của giáo dục gia đình. Trong một thời gian dài, gia đình không chú ý đến mục tiêu, nội dung và phương thức giáo dục cụ thể. Giáo dục gia đình bị phó mặc cho nhà trường và đoàn thể. Nhiều gia đình gần như khoán trắng cho nhà trường và y lại vào nhà trường trong việc bồi dưỡng kiến thức, mở mang trí tuệ cho trẻ em, rất ít người phối hợp với nhà trường, với các đoàn thể trong việc giáo dục trẻ em.

Nhà trường là thiết chế xã hội có chức năng chuyên trách về giáo dục, có giáo viên và công cụ như chương trình, sách giáo khoa, thiết bị dạy học, v.v... Mặt mạnh của giáo dục nhà trường là tính mục đích có tính xã hội cao được quán triệt trong suốt quá trình giáo dục, là hệ thống tri thức và kĩ

năng, là hệ thống phương pháp và phương tiện khoa học, tạo cơ sở cho sự trưởng thành của trẻ em, sự lập nghiệp và thành đạt suốt cả đời người.

Nhưng hiện nay, nhà trường dường như chỉ chú ý cung cấp kiến thức mà có phần xem nhẹ việc giáo dục đào tạo tư cách. Giáo dục nhà trường thường chỉ chú ý tình hình chung của học sinh nên chưa quan tâm đúng mức đến tính cá biệt. Giáo dục nhà trường nặng về lí trí, truyền đạt một chiều mà nhẹ về mặt tình cảm, tâm lí, phát huy tính chủ động của học sinh. Nhà trường gần như khoán cho gia đình việc giáo dục đạo đức. Còn các đoàn thể xã hội mà các em tham gia, cộng đồng mà các em sinh sống cũng có nội dung giáo dục với các hình thức riêng và cũng có ảnh hưởng đáng kể đến giáo dục thế hệ trẻ. Đó chính là nơi thể hiện kết quả của giáo dục gia đình và nhà trường, nhất là đối với nội dung giáo dục tinh thần xã hội, ứng xử xã hội, trách nhiệm xã hội... cho thế hệ trẻ.

Triết lí về quan hệ giữa giáo dục gia đình, giáo dục nhà trường và giáo dục xã hội chính là cần phải có sự thống nhất về mục đích giáo dục chung, thống nhất về nội dung hoạt động giáo dục bao gồm việc nuôi dưỡng, dạy dỗ ở gia đình, nội dung dạy và học ở trường và nội dung sinh hoạt, giáo dục ở các đoàn thể, các cộng đồng xã hội mà các em tham gia nhằm đảm bảo sự phát triển cá nhân hài hòa và đáp ứng những yêu cầu của sự phát triển xã hội. Ba môi trường sinh sống và giáo dục của thanh thiếu niên phải hợp lại thành một môi trường thống nhất, phải có sự phối hợp chặt chẽ giữa giáo dục nhà trường, giáo dục gia đình và giáo dục xã hội, phát huy mặt mạnh khắc phục mặt hạn chế của từng môi trường giáo dục. Cả ba môi trường giáo dục - gia đình, nhà trường - đoàn thể xã hội không những cần phải thống nhất về mục tiêu và nội dung giáo dục mà còn cần phải thống nhất cả cách dạy và học, giữa truyền thụ và lĩnh hội, giữa giáo dục và tự giáo dục của chính đứa trẻ, cần phải kết hợp giữa giảng giải, thuyết phục, dùng ý chí và tình cảm để phát huy tính chủ động của trẻ em. Như vậy sẽ tạo nên sự thống nhất ảnh hưởng của giáo dục gia đình, giáo dục nhà trường và giáo dục xã hội đối với thế hệ trẻ Việt Nam hiện nay.

3. Triết lí về quan hệ giữa thầy và trò

Xã hội Việt Nam từ xưa đến nay có truyền thống "tôn sư trọng đạo", cùng với truyền thống hiếu học, thực sự là giá đỡ cho bao nhiêu người đã thành hiện tài phụng sự đất nước và cũng tạo được nền móng xã hội xây dựng nên một hệ



thống giáo dục tốt đẹp như ngày nay. Từ xưa đã có quan niệm “*Không thầy đố mày làm nên*”, “*Muốn sang thì bắc cầu Kiều, muốn con hay chữ thì yêu lấy thầy*”, v.v...

Hiện nay, người thầy giáo được xã hội, Nhà nước, nhân dân tôn vinh, thầy cô giáo cũng là người mang hệ thống các giá trị xã hội, nhất là các giá trị truyền thống, giá trị nhân văn đến học trò, từ thế hệ này đến thế hệ khác. Người thầy là người định hướng giá trị cho học trò và cả thế hệ trẻ, cho đời nay và cho mai sau.

Nói đến giáo dục có chất lượng, trước hết phải nói đến đội ngũ thầy cô giáo bởi vì muốn đạt các mục tiêu của giáo dục thì trước hết phải nói tới việc nâng cao chất lượng của thầy cô giáo. Quan hệ giữa thầy và trò trước hết là quan hệ giữa con người và con người: nhân cách của người thầy tác động lên nhân cách của học trò và quan hệ qua lại của hai nhân vật này. Cần xây dựng một môi trường hướng vào người học, cả lớp học hướng vào người học, việc giảng dạy của thầy cô giáo hướng vào học trò, lấy người học làm trung tâm. Cả thầy và trò đều phải tự quyết định số phận của bản thân mình. Nhưng phương pháp sư phạm phải hướng vào học trò để hình thành và phát triển nhân tính ở thế hệ trẻ. Cả thầy và trò đều phải phát huy tính độc lập, tự chủ, sáng tạo để đi đến việc dạy, học có chất lượng và có hiệu quả, thể hiện cuối cùng là ở thế hệ trẻ lĩnh hội được các tri thức, kĩ năng, thái độ các giá trị của thế hệ trước truyền cho cũng như tự thế hệ mình tiếp tục duy trì và phát triển. Môi trường giảng dạy hướng vào người học có yêu cầu cả về phía người thầy và yêu cầu về phía học trò, tức là hai nhân vật chính của hoạt động dạy và hoạt động học phải có sự hợp tác nhịp nhàng, tích cực thì mới đạt được kết quả và hiệu quả của việc dạy và học. Hoạt động dạy đi liền với hoạt động học và gộp lại thành hoạt động dạy - học, nghĩa là hoạt động cùng nhau của thầy và trò, có chung lí tưởng, động cơ, mục đích xa, mục đích gần, có cùng thao tác, hành động, hoạt động nối tiếp nhau, cả thầy và trò đều là chủ thể của hoạt động này. Phải hướng tới cùng nhau hoạt động cùng nhau thông cảm, cùng nhau chia sẻ khó khăn, cùng vui với kết quả, cùng buồn khi chưa đạt được mục đích đặt ra.

Phải tăng cường đạo đức và nâng cao tay nghề của thầy để đảm bảo chất lượng giáo dục, đảm bảo được môi trường hướng vào người học, nuôi dưỡng văn hóa học tập trong lớp hay trong nhà trường, trong cộng đồng và trong xã hội. Quan hệ nhân văn

giữa thầy và trò phải được diễn ra trong một môi trường cụ thể.

Người thầy phải nhận thức được rằng nghề thầy giáo là một nghề cao quý nhất trong các nghề cao quý. Muốn thế phải không ngừng nâng cao chất lượng của đội ngũ giáo viên và phải làm cho đội ngũ này tự giác ngộ sứ mệnh vẻ vang của mình, tự bồi dưỡng, nâng cao tay nghề, tự tu dưỡng bản thân và như Mác nói bản thân nhà giáo dục cũng cần được giáo dục.

Học trò không chỉ học từ người thầy những tri thức khoa học mà còn chịu ảnh hưởng lớn từ tác phong, cách ăn nói, cách cư xử, cách sống... của người thầy. Người thầy chính là tấm gương để học trò soi vào và làm theo. Thầy cô giáo tốt sẽ để lại dấu ấn trong trái tim học trò. Nếu chỉ truyền dạy kiến thức khô khan, một chiều sẽ không thể làm học trò rung động. Vì vậy, đứng trên bục giảng, người thầy không chỉ truyền dạy kiến thức cho học sinh mà còn là tấm gương để các em noi theo từ lời ăn, tiếng nói, cử chỉ đến hành động... Từ “dạy” trong giáo dục không chỉ “dạy chữ” mà còn “dạy người”. Dạy chữ đã khó vì nó đòi hỏi khả năng chuyên môn nghiệp vụ của người thầy nhưng dạy người nên người càng khó hơn vì nó đòi hỏi người thầy không đơn thuần chỉ giỏi chuyên môn mà còn phải là người có những phẩm chất đạo đức mà mình đang dạy. Dạy học trò những đức tính: siêng năng, lễ độ, trung thực, khoan dung, tôn trọng kỉ luật, biết yêu thương con người... mà thầy giáo lại không có những đức tính ấy thì khó có thể dạy được, có khi còn phản tác dụng.

Trên đây mới chỉ bàn triết lí là gì, triết lí về quan hệ giữa giáo dục và phát triển, triết lí về quan hệ giữa giáo dục gia đình, giáo dục nhà trường và giáo dục xã hội, triết lí về quan hệ giữa thầy và trò. Còn hàng loạt các quan hệ khác nữa như: quan hệ giữa giáo dục tri thức và giáo dục đạo đức, quan hệ giữa giáo dục truyền thống và giáo dục hiện đại, quan hệ giữa học và hành, giữa lí luận và thực tế, quan hệ giữa học tập và vui chơi, giải trí, v.v... sẽ được bàn đến trong một dịp khác.

SUMMARY

This article addresses the philosophical issue of some relationships in current Vietnamese education, which are: 1/ philosophy on relation between education and development; 2/ philosophy on the relation between family education, school education and social education; 3/ philosophy on teacher-student relation.